

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

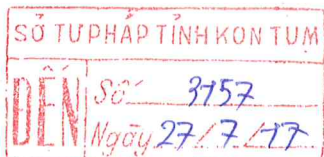
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2017/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XI; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Lao động-TB&XH (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Kế hoạch- Đầu tư (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh Kon Tum;
- Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;
- Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan;

2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương;

4. Ưu tiên hỗ trợ các xã biên giới, xã an toàn khu, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Áp dụng 04 nhóm tiêu chí

1. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số;
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo;
3. Tiêu chí diện tích đất tự nhiên;
4. Tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện có xã biên giới.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng dự án

1. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

* **Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:** Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Các tiêu chí cụ thể:

- Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số

Dân số	Hệ số
Huyện có dưới 6.000 hộ	0,15
Huyện có từ 6.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,17
Huyện có từ 10.000 hộ trở lên	0,20

Dân tộc thiểu số	Hệ số
Huyện có dưới 5.000 hộ dân tộc thiểu số	0,15
Huyện có từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ dân tộc thiểu số	0,17
Huyện có từ 6.000 hộ dân tộc thiểu số trở lên	0,20

Quy mô dân số, quy mô hộ dân tộc thiểu số của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên	0,24

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có dưới 3.500 hộ nghèo	0,20
Huyện có từ 3.500 hộ đến dưới 4.500 hộ nghèo	0,22
Huyện có từ 4.500 hộ nghèo trở lên	0,24

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Hệ số
Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên dưới 100.000 ha	0,10
Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên từ 100.000 ha đến dưới 140.000 ha	0,12
Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên từ 140.000 ha trở lên	0,14

Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31/12/2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum.

- Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã dưới 10 xã	0,10
Huyện có số xã từ 10 đến dưới 12 xã	0,12
Huyện có số xã từ 12 xã trở lên	0,14

Huyện có xã biên giới	Hệ số
------------------------------	--------------

- Huyện có số xã dưới 3 xã biên giới	0,10
- Huyện có số xã từ 3 xã đến dưới 5 xã biên giới	0,12
- Huyện có số xã từ 5 xã biên giới trở lên	0,14

+ Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31/12/2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum;

+ Đơn vị hành chính cấp xã biên giới của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*** Định mức phân bổ:**

- Đối với vốn đầu tư phát triển

+ Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $A \times X$;

+ Tổng vốn đầu tư cho một huyện hưởng cơ chế, chính sách như huyện nghèo theo Nghị quyết 30a bằng 70% vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $70\% \times A \times X$;

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí (hệ số theo dân số + hệ số theo dân tộc thiểu số + hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo + hệ số theo diện tích đất tự nhiên + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp)

- Phạm vi hỗ trợ: Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, chủ hộ nghèo là phụ nữ; Nhóm hộ hoặc cộng đồng có đa số hộ nghèo; Người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Các tiêu chí cụ thể: Áp dụng theo Điểm a, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này (Tiểu dự án 1).

- Định mức phân bổ:

+ Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $A \times X$

+ Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cho một huyện được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a = $70\% \times A \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí của 01 huyện (hệ số theo dân số (tính theo hộ) + hệ số theo dân tộc thiểu số (tính theo hộ) + hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo + hệ số theo diện tích đất tự nhiên + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

- Phạm vi hỗ trợ: Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; các huyện nghèo khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện được hưởng cơ chế, chính sách như huyện nghèo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Các tiêu chí cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên	0,24

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.500 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.500 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.500 hộ trở lên	0,24

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên

địa bàn tỉnh Kon Tum, năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Định mức phân bổ:

+ Tổng vốn hỗ trợ cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $A \times X$;

+ Tổng vốn hỗ trợ cho một huyện hưởng cơ chế, chính sách như huyện nghèo theo Nghị quyết 30a bằng 70% vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $70\% \times A \times X$;

Trong đó:

A: Định mức vốn hỗ trợ bình quân cho một huyện (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí của 01 huyện (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

2. Dự án 2: Chương trình 135

1. Các tiêu chí cụ thể: Gồm 04 nhóm tiêu chí

- Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II, xã biên giới, xã an toàn khu);
- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số.

2. Cách tính hệ số các tiêu chí

2.1. Tiêu chí về xã

Đối với xã	Hệ số (H1)
Cứ mỗi xã khu vực III (kể cả xã ATK hoặc biên giới) được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực II biên giới được tính	9,5
Cứ mỗi xã khu vực II an toàn khu được tính	9
Cứ mỗi xã khu vực I là xã biên giới được tính	8,5
Cứ mỗi xã khu vực I là xã an toàn khu được tính	8

2.2. Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn

Số thôn đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8

Xã khu vực III, II, xã biên giới, xã an toàn khu (ATK), thôn đặc biệt khó khăn theo các Quyết định, Nghị định, Nghị quyết ... của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H3)
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh	0
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,02
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo nhỏ hơn hoặc bằng 2,0 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,03
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,04
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,05

- Tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh (26,11%), tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum, năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2.4. Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số

Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của huyện	Hệ số (H4)
Dưới 70%	0,03
Từ 70% đến 90%	0,04
Trên 90%	0,05

Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của huyện được tính toán căn cứ theo số liệu hộ dân tộc thiểu số tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Căn cứ các tiêu chí trên để tính ra hệ số của từng huyện; tổng hệ số của các huyện thực hiện Chương trình 135 làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

3.1. Phương pháp tính:

- Tổng hệ số các nội dung của một huyện (Y)

$$Y = (H1+H2) \times (1+H3+H4)$$

- Tổng hệ số của Chương trình (N)

$N =$ Tổng hệ số của các huyện cộng lại.

- Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M)

$M = \text{Tổng vốn đầu tư phát triển} + \text{Tổng kinh phí sự nghiệp.}$

3.2. Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 hệ số (K) được tính theo công thức:

$$K = M : N$$

3.3. Số vốn phân bổ cho từng huyện (X) được tính theo công thức:

$$X = K \times Y$$

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã, thị trấn ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã, thị trấn ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135;

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, chủ hộ nghèo là phụ nữ; Nhóm hộ hoặc cộng đồng có đa số hộ nghèo; Người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan;

c) Tiêu chí cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Xã, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%	0,50
Xã, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 25%	0,55
Xã, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên	0,60

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Xã, thị trấn có quy mô hộ nghèo dưới 100 hộ	0,50
Xã, thị trấn có quy mô hộ nghèo từ 100 hộ đến dưới 200 hộ	0,60
Xã, thị trấn có quy mô hộ nghèo từ 200 hộ trở lên	0,70

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của xã, thị trấn để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum, năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Định mức phân bổ:

+ Vốn bố trí nhân rộng mô hình giảm nghèo (triệu đồng) = 30% A.

+ Vốn bố trí cho 01 huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (triệu đồng) = 70% A : N x X

Trong đó:

A: Tổng vốn hỗ trợ (triệu đồng).

N: Tổng hệ số 02 tiêu chí của các xã, thị trấn ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 của các huyện, thành phố.

X: Tổng các hệ số 02 tiêu chí các xã, thị trấn ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 của 01 huyện, thành phố (tổng hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, ưu tiên huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và các huyện nghèo khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng hỗ trợ: Người dân và cộng đồng dân cư; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí phân bổ:

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên	0,24

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.500 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.500 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.500 hộ trở lên	0,24

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum, năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí = A + B

A: Vốn bố trí cho hoạt động truyền thông về giảm nghèo, bằng 50% tổng vốn bố trí;

B: Vốn bố trí cho hoạt động giảm nghèo về thông tin, bằng 50% tổng vốn bố trí;

Trong đó:

* Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

- Định mức phân bổ cho các sở, ban, ngành (triệu đồng) = 30% A;

- Định mức phân bổ cho 01 huyện, thành phố (triệu đồng) = 70% A : N x X
- + N: Tổng hệ số của các huyện, thành phố;
- + X: Tổng hệ số 02 tiêu chí của huyện, thành phố (tổng hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

*** Hoạt động giảm nghèo về thông tin:**

- Định mức phân bổ cho các sở, ban, ngành (triệu đồng) = 30% B;
- Định mức phân bổ cho 01 huyện, thành phố (triệu đồng) = 70% B : N x X
- + N: Tổng hệ số của các huyện, thành phố;
- + X: Tổng hệ số 02 tiêu chí của huyện, thành phố (tổng hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn;

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Cơ quan chủ trì Chương trình; các Sở, ban, ngành chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần của Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

c) Tiêu chí phân bổ: Áp dụng theo Điểm c Khoản 4 Điều 5 Quy định này (Dự án 4).

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí: $A = B + C$

Trong đó:

- B: Định mức phân bổ cho các sở, ban, ngành (triệu đồng) = 30% A;

- C: Định mức phân bổ cho 01 huyện, thành phố (triệu đồng) = 70% A : N x

X

+ N: Tổng hệ số của các huyện, thành phố;

+ X: Tổng hệ số 02 tiêu chí của huyện, thành phố (tổng hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

6. Hằng năm, căn cứ vào tổng vốn ngân sách nhà nước giao để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại nghị quyết này và điều kiện thực tế của địa

phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cho phù hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

